

nhuận thu được do việc gắn quỹ dự trữ lưu thông với quá trình kinh doanh lương thực theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

Điều 6.- Quỹ dự trữ lưu thông lương thực phải được bố trí ở những khu vực, địa bàn thường dễ xảy ra biến động giá lương thực và phải để ở kho có điều kiện thuận lợi nhất cho việc huy động đưa ra bán bình ổn giá khi cần thiết.

Điều 7.- Các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ dự trữ lưu thông lương thực phải tổ chức hạch toán riêng việc mua, bán lương thực để phục vụ mục tiêu bình ổn giá theo từng đợt, báo cáo định kỳ hàng tháng tồn kho dự trữ lưu thông lương thực (bao gồm: số lượng ở từng kho, phẩm chất, giá bình quân tồn kho...) với cơ quan quản lý cấp trên, phải chịu sự kiểm tra, giám sát và chấp hành không điều kiện các quyết định về huy động, điều phối sử dụng quỹ lương thực dự trữ lưu thông của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện việc xuất bán bình ổn giá lương thực trong thời gian nhanh nhất.

Điều 8.- Trách nhiệm các Bộ trong việc quản lý quỹ dự trữ lưu thông lương thực:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm cân đối nguồn lương thực, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức lương thực đưa vào quỹ dự trữ lương thực hàng năm.

- Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bảo đảm nguồn vốn cho các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý quỹ dự trữ lưu thông lương thực theo đúng số lượng và tiến độ mua lương thực dự trữ lưu thông.

- Ngân hàng Nhà nước bảo đảm đủ vốn cho các đơn vị vay mua lương thực đưa vào dự trữ lưu thông theo kế hoạch.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc huy động, điều phối quỹ dự trữ lưu thông lương thực để bảo đảm cung cầu và ổn định giá lương thực, cùng Bộ Tài chính, Ban Vật giá Chính phủ kiểm tra, giám sát việc thực hiện và bảo toàn vốn của quỹ dự trữ lưu thông lương thực.

- Ban Vật giá Chính phủ cùng Bộ Tài chính căn cứ yêu cầu bảo đảm ổn định giá lương thực để quyết định giá bán lương thực thuộc quỹ dự trữ lưu thông.

Do yêu cầu giữ ổn định cung cầu và bình ổn giá lương thực mà quyết định giá lương thực thuộc quỹ dự trữ lưu thông bán thấp hơn giá vốn thì cấp ra quyết định phải kiểm tra, giám sát việc hạch toán bán của doanh nghiệp, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý thiếu hụt vốn dự trữ lưu thông này.

Điều 9.- Quy định này áp dụng đối với việc quản lý quỹ dự trữ lưu thông lương thực từ nguồn vốn ngân sách Trung ương. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ yêu cầu, đặc điểm về bảo đảm bình ổn giá lương thực ở địa phương và Quyết định này để ban hành quy định cụ thể về quản lý quỹ dự trữ lưu thông lương thực được hình thành từ nguồn vốn của địa phương.

Điều 10.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 11.- Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thương mại, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Tổng Giám đốc các Tổng công ty Lương thực và Giám đốc các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ dự trữ lưu thông lương thực chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 573-TTg ngày 23-8-1996 về việc tạo điều kiện cho các Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập sớm hoạt động ổn định.

Đến nay Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập 18 Tổng công ty nhà nước hoạt động theo mô hình quy định tại Quyết định số 91-TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Tổng công ty 91). Mặc dù quá trình hoạt động chưa dài và có nhiều khó khăn, nhưng kết quả

triển khai trong hơn một năm qua ở các Tổng công ty 91 bước đầu đã khẳng định mô hình tổ chức này là đúng hướng, phù hợp với yêu cầu đổi mới trong khu vực kinh tế nhà nước. Để tạo điều kiện cho các Tổng công ty 91 sớm đi vào hoạt động ổn định và thực hiện tốt nhiệm vụ Nhà nước giao, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các ngành liên quan khẩn trương tiến hành một số việc sau đây:

1. Về hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Các cơ quan Nhà nước theo sự phân công cần sớm hoàn chỉnh nội dung để trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành, hoặc tự ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp nhà nước, nhất là các văn bản trực tiếp liên quan đến các Tổng công ty nhà nước; tiến độ cụ thể như sau:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị:

- Nghị định về thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước, trình Chính phủ ban hành trong tháng 8 năm 1996.

- Nghị định về quản lý nhà nước và thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước, trình Chính phủ ban hành cuối tháng 10 năm 1996 để hướng dẫn thi hành các Điều 25, Điều 26 và Điều 27 Luật Doanh nghiệp nhà nước.

- Trong tháng 9 năm 1996, ký ban hành Chế độ kế hoạch đối với Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông qua nội dung.

b) Bộ Tài chính chuẩn bị:

- Nghị định về Quy chế Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước, trình Chính phủ ban hành vào đầu tháng 9 năm 1996.

- Ký ban hành ngay trong tháng 8 năm 1996 bản Quy chế Tài chính mẫu đối với Tổng công ty nhà nước. Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 căn cứ vào bản Quy chế mẫu này để xây dựng Quy chế Tài chính cụ thể của Tổng công ty mình và chậm nhất là cuối tháng 10 năm 1996 phải ký ban hành, sau khi Bộ Tài chính thông qua nội dung. Những sai lệch so với Quy chế Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước khi Chính phủ chính thức ban hành, sẽ được Bộ Tài chính hiệu chỉnh lại sau.

c) Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chuẩn bị và trong tháng 9 năm 1996 ký ban hành chế độ lương và phụ cấp đối với các thành viên Hội đồng Quản trị (lương cho các thành viên hoạt động chuyên trách, phụ cấp cho thành viên hoạt động kiêm nhiệm).

Trong quá trình chuẩn bị, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cần bàn thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về vấn đề này. Đối với Tổng công ty 91 có thể vận dụng theo hướng Chủ tịch Hội đồng Quản trị hưởng lương tương đương Thứ trưởng, các thành viên khác hưởng lương tương đương Vụ trưởng hạng cao nhất. Lương của Tổng Giám đốc theo quy định riêng. Những người có mức lương cao hơn mức quy định này, nếu được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm vào Hội đồng Quản trị, thì được bảo lưu mức lương cũ.

d) Ban Chỉ đạo trung ương Đổi mới doanh nghiệp chuẩn bị và trong tháng 9 năm 1996 hướng dẫn về:

- Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91, mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

- Quy chế làm việc của Ban Kiểm soát.

đ) Tổng cục Thống kê chuẩn bị và đến cuối tháng 10 năm 1996 ban hành xong các văn bản bổ sung, sửa đổi chế độ báo cáo, thống kê cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản khác dưới luật có liên quan đến Tổng công ty nhà nước, sau khi đã bàn nhất trí với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

2. Về tổ chức và cán bộ của Tổng công ty 91.

a) Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ bàn với các cơ quan liên quan để từ nay đến cuối tháng 10 năm 1996 trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung đủ cán bộ chủ chốt cho các Tổng công ty 91; nhất là những nơi còn thiếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và chưa có Phó Tổng Giám đốc. Ngoài ra Ban cần rà soát lại nhân sự hiện có của các Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 và trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh những trường hợp chưa hợp lý, đặc biệt đối với trường hợp cán bộ quản lý nhà nước còn kiêm nhiệm các chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng ban Ban Kiểm soát.

b) Trong quý III năm 1996 các Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 phải kiện toàn xong Ban Kiểm soát. Trong trường hợp Bộ Tài chính và Bộ

quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật không giới thiệu được người hoạt động chuyên trách như đã quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng Quản trị được quyền tự chọn những người có đủ tiêu chuẩn quy định và bổ nhiệm vào làm thành viên Ban Kiểm soát, hoạt động chuyên trách để có điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ Hội đồng Quản trị giao.

c) Tất cả các Tổng công ty 91 phải xây dựng và ban hành trong tháng 9 năm 1996 bản Quy chế hoạt động của bộ máy giúp việc của Tổng công ty mình. Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc cùng sử dụng chung bộ máy giúp việc này, không tổ chức bộ máy giúp việc riêng.

d) Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 phải phê chuẩn xong Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của tất cả đơn vị thành viên chậm nhất vào cuối năm 1996.

đ) Các Hội đồng Quản trị Tổng công ty Lương thực miền Bắc và Tổng công ty Lương thực miền Nam trong tháng 9 năm 1996 cần ban hành Quy chế hoạt động của doanh nghiệp thành viên kinh doanh lương thực, trong đó quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp này ngoài việc thực hiện nhiệm vụ Tổng công ty giao, còn phải thực hiện nhiệm vụ thu mua và chế biến lương thực trên địa bàn tỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao; bảo đảm nguyên tắc đã có doanh nghiệp thành viên của các Tổng công ty này kinh doanh lương thực và cung ứng nhu cầu lương thực cho dân trên địa bàn tỉnh thì không thành lập doanh nghiệp thuộc địa phương nữa.

3. Về các vấn đề tài chính của Tổng công ty 91.

a) Bộ Tài chính khẩn trương tiến hành những việc dưới đây:

- Hoàn thành việc giao vốn cho các Tổng công ty 91 chậm nhất vào cuối tháng 9 năm 1996.

- Từ nay đến cuối năm 1996 phải quy định cho từng Tổng công ty 91 danh mục những bán sản phẩm luân chuyển nội bộ giữa các thành viên để tiếp tục hoàn chỉnh và những dịch vụ luân chuyển nội bộ giữa các thành viên để phục vụ sản xuất mà không phải nộp thuế doanh thu.

- Khẩn trương thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết vốn cho Tổng công ty Đá quý và Vàng Việt Nam như đã ghi tại điểm 3, Công văn số 519-KTN ngày 30-1-1996 của Văn phòng Chính phủ.

- Nghiên cứu và trình Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý khó khăn về vốn cho một số Tổng công ty 91 khác: như vốn dự trữ lưu thông để Tổng công ty Lương thực miền Bắc và Tổng công ty Lương thực miền Nam mua lương thực hàng hóa của nông dân theo thời vụ, vốn cần thiết để Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam có thể hoàn thành được chu kỳ đóng tàu.

b) Số nợ tồn đọng của các doanh nghiệp tại thời điểm đưa vào thành viên của Tổng công ty 91 được giải quyết như sau:

- Phần nợ phát sinh do doanh nghiệp phải thực hiện chỉ thị của một cơ quan nhà nước thì cơ quan đó có trách nhiệm tìm biện pháp thanh toán số nợ này cho doanh nghiệp.

- Phần nợ phát sinh do hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì Tổng công ty chỉ đạo doanh nghiệp này trong việc thanh toán số nợ đó.

c) Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tạo điều kiện cho Công ty Tài chính trong Tổng công ty 91 sớm được thành lập và có thể đi vào hoạt động.

4. Về quan hệ giữa Tổng công ty 91 và các cơ quan Nhà nước.

a) Các cơ quan Nhà nước khi ban hành văn bản pháp quy liên quan đến doanh nghiệp nhà nước đều gửi văn bản đó cho các Tổng công ty 91.

b) Khi trình các cơ quan Nhà nước giải quyết những đề nghị của mình, Tổng công ty 91 thực hiện nguyên tắc đi qua một cửa theo từng việc cụ thể. Việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nào thì Tổng công ty trực tiếp trình cơ quan đó xử lý. Nếu cần thì cơ quan này sẽ bàn với các cơ quan khác có liên quan để giải quyết và trả lời cho Tổng công ty, không yêu cầu Tổng công ty phải trình kèm ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp việc thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ thì ngoài văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ (qua Văn phòng Chính phủ) Tổng công ty đồng gửi văn bản đó cho Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, Bộ chức năng và Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có liên quan, để khi Thủ tướng Chính phủ cần hỏi ý kiến thì các cơ quan này đã chuẩn bị sẵn.

c) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ thành lập một bộ phận trong Văn phòng Chính phủ làm đầu mối giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc chỉ đạo và xử lý những đề nghị của các Tổng công ty 91. Trong khi chưa có bộ

phận này, Ban Chỉ đạo trung ương Đổi mới doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ làm đầu mối nói trên.

5. Vấn đề tổ chức Đảng và tổ chức Công đoàn trong Tổng công ty.

a) Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương chủ trì bàn với Ban Kinh tế Trung ương để sớm hướng dẫn hình thức và nội dung hoạt động của tổ chức Đảng trong Tổng công ty nhà nước.

b) Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sớm hướng dẫn hình thức và nội dung hoạt động của tổ chức Công đoàn trong Tổng công ty nhà nước.

6. Vấn đề khác.

Ban Chỉ đạo trung ương Đổi mới doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan sớm tổ chức cho các cán bộ chủ chốt trong Tổng công ty nhà nước và các cơ quan Nhà nước có liên quan quán triệt nội dung các văn bản pháp luật và trao đổi kinh nghiệm liên quan đến tổ chức và hoạt động của các Tổng công ty nhà nước.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 575-TTg ngày 24-8-1996 về các biện pháp đôn đốc và chống nợ đọng thuế xuất nhập khẩu trong các năm 1996-1997.

Việc thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thu khác do ngành Hải quan thực hiện trong 6 tháng đầu năm 1996 tuy có cao hơn cùng kỳ năm 1995, nhưng so với kế hoạch cả năm đã được Quốc hội thông qua còn thấp, chưa tương xứng, tình trạng nợ đọng thuế xuất nhập khẩu còn khá phổ biến, ảnh hưởng lớn đến cân đối thu chi Ngân sách Nhà nước.

Để thực hiện tốt kế hoạch thu thuế xuất nhập khẩu năm 1996 đã được Quốc hội thông qua, ngoài các biện pháp đã được Chính phủ đề ra từ đầu năm, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ,

ngành khẩn trương thực hiện tốt các công việc sau đây:

1. Để giải quyết dứt điểm số thuế còn nợ đọng, giao Tổng cục Hải quan bàn với Bộ Tài chính xem xét giải quyết việc miễn hoặc giảm tiền phạt chậm nộp thuế đối với các đơn vị nộp xong tiền thuế nợ đọng trước ngày 30 tháng 9 năm 1996; đối với số nợ thuế phát sinh trước ngày 1 tháng 4 năm 1992 mà các đơn vị không có khả năng nộp (do đơn vị đã giải thể, phá sản, làm ăn thua lỗ...) thì Tổng cục Hải quan cùng với Bộ Tài chính kiểm tra xác nhận và trình Chính phủ xem xét để cho phép xóa nợ.

2. Sau ngày 30 tháng 9 năm 1996 trở đi, nếu phát hiện doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nào có khả năng thanh toán mà cố tình chây ỳ không nộp tiền thuế thì Tổng cục Hải quan phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính kiên quyết trích tiền trên số dư tài khoản của doanh nghiệp đó để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Tổng cục Hải quan phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp áp dụng các biện pháp trưng thu hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp còn nợ đọng thuế xuất nhập khẩu và tổ chức bán đấu giá để thu đủ tiền thuế xuất nhập khẩu còn nợ đọng nộp Ngân sách Nhà nước, số còn lại trả cho doanh nghiệp.

4. Đối với những doanh nghiệp thuộc diện nợ đọng thuế xuất nhập khẩu đã kéo dài quá hạn phải cưỡng chế, nhưng gặp rủi ro, bất trắc, không thể nộp đủ thuế xuất nhập khẩu ngay được, thì Tổng cục Hải quan được phép cho doanh nghiệp hoãn nợ với điều kiện doanh nghiệp phải thế chấp tài sản tương đương số thuế còn nợ và phải được Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản đứng ra bảo lãnh.

5. Hàng tháng, Tổng cục Hải quan thông báo cho Bộ Thương mại những đơn vị nợ thuế xuất nhập khẩu kéo dài để Bộ Thương mại đình chỉ việc cấp phép kinh doanh nhập khẩu đối với các doanh nghiệp này.

6. Trong quá trình thực hiện việc đôn đốc thu nộp số thuế còn nợ đọng, nếu phát hiện doanh nghiệp nào cố tình chây ỳ, hoặc có hành động gây cản trở đối với lực lượng làm nhiệm vụ này nhằm mục đích chiếm dụng thuế của Ngân sách Nhà nước thì Tổng cục Hải quan lập hồ sơ báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Tùy theo mức độ vi phạm, các doanh nghiệp này phải bị xử phạt vi